

Bản án số: **05/2024/DS-ST**

Ngày: 16/01/2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội.

2. Bà Đinh Thị Triết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 60/2023/TLST-DS ngày 08/6/2023 về việc **“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-DS ngày 06/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST- DS ngày 25/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*viết tắt là Sacombank*);

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Công H, sinh năm 1973, chức vụ: Phó Trưởng Phòng- Phòng giao dịch An Khê. Địa chỉ: Số 24 Hoàng Văn Thụ, Phường Tây Sơn, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

(Văn bản ủy quyền số 03/GUQ-PGDAK ngày 21/04/2023).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn Hbang, xã K, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt; bà T lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, được bổ sung tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Sacombank ông Lê Công H trình bày:

Vào ngày 27/11/2019, bà Nguyễn Thị T đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín -Chi nhánh Gia Lai-Phòng Giao dịch An Khê với số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: LD 1933100489 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD 1933100489-01 ngày 15/10/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD 1933100489-02 ngày 11/10/2021. Theo đó bà T đã nhận nợ vay số tiền trên, cụ thể: Giấy nhận nợ số LD 2129300030

ngày vay 20/10/2021, ngày đáo hạn 20/10/2022, số tiền 80.000.000 đồng. Dư nợ 79.948.171 đồng. Mục đích vay vốn: Vay tiêu dùng (mua sắm vật dụng gia đình), với lãi suất theo các Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ, Kỳ hạn trả nợ gốc cuối cùng là 20/10/2022, lãi trả vào ngày 05 hàng tháng.

Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 387/2019/PGD-AK ngày 18/5/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 387-01/2019/PGDAK ngày 28/11/2019; Tài sản bảo đảm là toàn bộ lô đất và tài sản gắn liền trên đất tại làng Kgiang, xã K, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 541280 do UBND huyện Kbang cấp ngày 01/04/2010.

Trong thời gian vay vốn, từ ngày giải ngân đến ngày 20/10/2021 bà T đã thanh toán số tiền lãi là 7.303.171 đồng và tiền nợ gốc là 51.829 đồng, còn nợ lại tiền nợ gốc là 79.948.171 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/10/2021. Sacombank đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 30/10/2022, đồng thời Sacombank cũng nhiều lần thông báo đòi nợ, đôn đốc, nhắc nhở bằng nhiều hình thức nhưng bà T vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ. Tính đến hết ngày 21/4/2023, bà T còn nợ Sacombank tổng số tiền là 86.921.028 đồng (*tám mươi sáu triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, không trăm hai mươi tám đồng*). Bao gồm nợ gốc là 79.948.171 đồng, nợ lãi trong hạn là 341.918 đồng và nợ lãi quá hạn và lãi phạt là 6.630.939 đồng. Bà T phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 22/4/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại bảng kê tính lãi, Sacombank bổ sung yêu cầu bà T còn phải trả tiếp khoản nợ lãi phát sinh từ ngày 22/4/2023 đến hết ngày 16/01/2024 (*ngày xét xử sơ thẩm*) số tiền nợ lãi quá hạn và lãi phạt là 9.783.352 đồng. Tổng cộng, số tiền Sacombank yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho Sacombank là 96.704.380 đồng (*chín mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn, ba trăm tám mươi đồng*). Trong đó: nợ gốc là 79.948.171 đồng, nợ lãi trong hạn là 341.918 đồng và nợ lãi quá hạn và lãi phạt là 16.414.291 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 16/01/2024*).

Trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Sacombank thông qua Chi nhánh Gia Lai-Phòng Giao dịch An Khê có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 387/2019/PGD-AK ngày 18/5/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 387-01/2019/PGDAK ngày 28/11/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Sacombank thì bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập bà T đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa do Tòa án tổ chức. Nhưng do điều kiện hoàn cảnh làm ăn khó khăn bà T đi làm thuê ở xa nên thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ cư trú là Làng Kgiang, xã K, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; tuy nhiên khi đi làm ăn xa bà T đã báo cáo với chính quyền địa phương, vẫn giữ liên lạc với gia

đình và thỉnh thoảng bà có về thăm gia đình. Vì vậy, Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng đến bà T được, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để bà T thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng bà T đã không chấp hành. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

1/ 01 Giấy ủy quyền số 03/GUQ-PGDAK ngày 21/4/2023 của Phòng giao dịch An Khê (bản chính);

2/ 01 Căn cước công dân mang tên Lê Công H và 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lý Quốc Bảo (bản pho to);

3/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mã số địa điểm kinh doanh: 00221 cấp ngày 07/12/2018 (bản pho to có đóng dấu treo);

4/ 01 Quyết định V/v ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia đình tố tụng số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 (bản pho to có đóng dấu treo);

Những tài liệu, chứng cứ sao y bản chính gồm:

5/ 01 Hợp đồng tín dụng số LD.1933100489 ngày 27/11/2019 giữa bên cấp tín dụng là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Gia Lai- Phòng Giao dịch An Khê và bên được cấp tín dụng là bà Nguyễn Thị T;

6/ 01 Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD.1933100489-01 ngày 15/10/2020 giữa bên cấp tín dụng là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Gia Lai- Phòng Giao dịch An Khê và bên được cấp tín dụng là bà Nguyễn Thị T;

7/ 01 Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD.1933100489-02 ngày 11/10/2021 giữa bên cấp tín dụng là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Gia Lai- Phòng Giao dịch An Khê và bên được cấp tín dụng là bà Nguyễn Thị T;

8/ 01 Hợp đồng thế chấp tài sản số 387/2019/PGD-AK ngày 18/5/2019 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Gia Lai- Phòng Giao dịch An Khê và bên thế chấp là bà Nguyễn Thị T;

09/ 01 Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất ngày 18/05/2019;

10/ 01 Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 387-01/2019/PGD-AK ngày 28/11/2019 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Gia Lai- Phòng Giao dịch An Khê và bên thế chấp là bà Nguyễn Thị T;

11/ 01 Giấy nhận nợ số LD 2129300030 ngày 20/10/2021 của người được cấp tín dụng là Nguyễn Thị T;

12/ 01 Giấy đề nghị vay vốn của người được cấp tín dụng là Nguyễn Thị T ngày 08/10/2021 (bản pho to);

13/ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 541280 tên người sử dụng đất là Nguyễn Thị T (bản pho to);

14/ 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T và 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên Nguyễn Thị T (bản pho to);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 có địa chỉ tại Làng Kgiang, xã K, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, điều này thể hiện qua chứng cứ do Ngân hàng giao nộp là 01 Giấy chứng minh nhân dân mang

tên Nguyễn Thị T; Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị T và biên bản xác minh tại Công an xã K, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng Dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tổ tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 157, 158, 179, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 117, 118, 119, 280, 299, 317, 319, 322, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Sacombank, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho Sacombank là 96.704.380 đồng (*chín mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn, ba trăm tám mươi đồng*). Trong đó: nợ gốc là 79.948.171 đồng, nợ lãi trong hạn là 341.918 đồng và nợ lãi quá hạn và lãi phạt là 16.414.291 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 16/01/2024*). Bà T phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 16/01/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ chi phí định xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T có địa chỉ tại Làng Kgiang, xã K, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự thì đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bà T đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Sacombank là ông Lê Công H vắng mặt nhưng ông H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét các Hợp đồng tín dụng số: LD 1933100489 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ

sung Hợp đồng tín dụng số LD 1933100489-01 ngày 15/10/2020 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD 1933100489-02 ngày 11/10/2021 được ký kết giữa Sacombank với bà T thấy rằng hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của bà Nguyễn Thị T chủ thể tham gia hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp theo quy định tại các Điều 117, Điều 118, và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn bà T đã nhận nợ vay số tiền trên, cụ thể: Giấy nhận nợ số LD 2129300030 ngày vay 20/10/2021, ngày đáo hạn 20/10/2022, số tiền 80.000.000 đồng. Dư nợ 79.948.171 đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp tài sản số 387/2019/PGD-AK ngày 18/5/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 387-01/2019/PGDAK ngày 28/11/2019; Tài sản bảo đảm là toàn bộ lô đất và tài sản gắn liền trên đất tại làng Kgiang, xã K, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 541280 do UBND huyện Kbang cấp ngày 01/04/2010.

Sau khi vay tiền bà T đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được tiền nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Sacombank đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở bà trả nợ. Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên buộc Sacombank phải chuyển thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T không thường xuyên có mặt tại nơi cư trú; tuy nhiên bà T biết việc ngân hàng khởi kiện nhưng do điều kiện ở xa nên bà luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bà T đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của Sacombank.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho Sacombank là 96.704.380 đồng (*chín mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn, ba trăm tám mươi đồng*). Trong đó: nợ gốc là 79.948.171 đồng, nợ lãi trong hạn là 341.918 đồng và nợ lãi quá hạn và lãi phạt là 16.414.291 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 16/01/2024*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

Trường hợp nếu bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Sacombank thông qua Chi nhánh Gia Lai-Phòng Giao dịch An Khê có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 387/2019/PGD-AK ngày 18/5/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 387-01/2019/PGDAK ngày 28/11/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Sacombank thì bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Xét các thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện và đúng pháp luật nên Ngân hàng có các quyền này khi yêu cầu thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Ngày 20/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Kbang đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số: Lô 37, tờ bản đồ số: Khu quy hoạch, có diện tích 300 m² đất ở tại nông thôn thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 541208 do Ủy

ban nhân dân huyện Kbang cấp ngày 01/04/2010. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định: Thửa đất thế chấp đúng diện tích là 300 m² đất ở nông thôn tại làng Kgiang, xã K, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; đúng vị trí, số tờ, số thửa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 541208 và đất không có tranh chấp với bên thứ ba.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 96.704.380 đồng đồng x 5% = 4.835.219 đồng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ chi phí định xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*). Do nguyên đơn đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 299, Điều 317, Điều 319, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, cụ thể như sau:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín -Chi nhánh Gia Lai-Phòng giao dịch An Khê số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng là 96.704.380 đồng (*chín mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ bốn nghìn, ba trăm tám mươi đồng*). Trong đó: nợ gốc là 79.948.171 đồng, nợ lãi trong hạn là 341.918 đồng và nợ lãi quá hạn và lãi phạt là 16.414.291 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 16/01/2024*).

Trường hợp nếu bà Nguyễn Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín -Chi nhánh Gia Lai-Phòng giao dịch An Khê có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 387/2019/PGD-AK ngày 18/5/2019 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 387-01/2019/PGDAK ngày 28/11/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thì bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thông qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín -Chi nhánh Gia Lai-Phòng giao dịch An Khê.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án thi hành án xong khoản tiền (4.000.000 đồng) nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu 4.835.219 đồng (bốn triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm mười chín đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn thông qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín -Chi nhánh Gia Lai-Phòng giao dịch An Khê số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.173.025 đồng (hai triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003884 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA